

**TÒA ÁN N DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 253/2018/HSST

Ngày: 23/7/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

N DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm N dân:

1.1 Ông Nguyễn Thành Châu

1.2 Ông Nguyễn Tùng.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng.

-Đại diện Viện kiểm sát N dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án N dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 349/2018/HSST ngày 12/6/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2921/2018/QĐST-HS ngày 02/7/2018 đối với các bị cáo:

1/ Văn Đức N; Giới tính: Nam; Sinh ngày 08/01/1972; Tại Đà Nẵng; ĐKNKTT và chỗ ở: Nơ Trang L, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông Văn Đức Th (chết) và bà Văn Thị A; Vợ: Lâm Bích T, sinh năm 1977; Con: có một con sinh năm 2012.

- Tiền án, tiền sự: Không

- N thân: Ngày 27/1/2005, bị Toà án N dân Thành phố Hồ Chí Minh phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại bản án số 194/HSST ngày 03/01/2010. Qua xác minh thi hành án bị can đã thi hành xong toàn bộ bản án trên.

- Bị bắt, tạm giam từ ngày 05/7/2016 (có mặt).

2/ Lưu Thanh L; Giới tính: Nam; Sinh ngày 03/11/1981; tại Thành phố Hồ Chí Minh; ĐKNKTT và chỗ ở: Nơ Trang L, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt

Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông Lưu Thanh S, sinh năm 1955 và bà Đặng Thị Thu H, sinh năm 1954; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 04/7/2016 (có mặt).

3/ Bạch Văn T, Giới tính: Nam; Sinh ngày 12/09/1971; tại Thành phố Hồ Chí Minh; ĐKNKTT và chỗ ở: Lô C, chung cư Chợ Q, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông Lưu Văn D, sinh năm 1943 và bà Bạch Thị B, sinh năm 1951; Vợ: Lê Thị Kim Th, sinh năm 1973 (Đã ly hôn); Con: 01 con sinh năm 1998; Tiền sự: Không.

- Tiền án: Ngày 15/3/1999, bị Tòa án N dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 17 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/HSST. Chấp hành xong hình phạt từ ngày 07/01/2012. Qua xác minh chưa thi hành án khoản tiền phạt 20.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Bị bắt, tạm giam từ ngày 04/7/2016 (có mặt).

Những người tham gia tố tụng:

+Người bào chữa:

1/Bà Lê Nguyễn Quỳnh Th là Luật sư của Văn phòng luật sư Quỳnh Thy thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Văn Đức N (có mặt).

2/Ông Lê Trung Ph là Luật sư của Công ty Luật TNHH Luật Sư Riêng thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Lưu Thanh L (có mặt).

+Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Trần Tấn Q, sinh năm 1960, Địa chỉ: Phan Đăng Lưu, Phường M, quận Ph, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Người làm chứng:

1/Ông Hà Duy Đ, sinh năm 1963; Địa chỉ: Đỗ Tấn Ph, Phường M, quận Ph, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

2/ Ông Bùi Chí Đ, sinh năm 1960; Địa chỉ: Nguyễn Biểu, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 20 phút, ngày 04/7/2016, tại trước nhà số 03 đường Hoàng Minh Giám, Phường 9, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổ công tác - Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Phú Nhuận kiểm tra hành chính phát hiện bắt quả tang Bạch Văn T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ trong người của T có 04 (bốn) gói nylon chứa tinh

thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 24,9607g, loại Methamphetamine (BL 19, 20).

T khai số ma túy này mua của một người tên D, T đang đợi bán cho người nghiện thì bị bắt. Qua xác minh, được biết D có tên thật là Văn Đức N.

Lúc 22 giờ 00 phút cùng ngày 04/7/2016, Cơ quan điều tra Công an quận Phú Nhuận bắt khẩn cấp Lưu Thanh L về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thu giữ của L 02 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 100,7443g, loại Methamphetamine (BL19,20). L khai nhận số ma túy bị thu giữ là của Văn Đức N đưa cho L đem đi bán cho Bạch Văn T nhưng chưa kịp giao thì bị bắt.

Qua lời khai của L và T, đến 16 giờ 00 phút ngày 05/7/2016, Cơ quan điều tra Công an quận Phú Nhuận tiến hành bắt khẩn cấp Văn Đức N tại trước nhà số 109 Cao Đạt, Phường 1, Quận 5 về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”, thu giữ trong túi quần của N 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 43,9804g, loại Methamphetamine.

Toàn bộ số vật chứng là ma túy thu giữ được của T, L và N được giám định theo các bản kết luận giám định số 1366/KLGD–H ngày 18/8/2016, số 1377/KLGD–H ngày 28/7/2016 và các bản kết luận giám định bổ sung số 131 và số 132 cùng ngày 04/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 75,119,318,319).

Tại Cơ quan điều tra, các bị can khai nhận như sau:

+Văn Đức N khai: N quen biết với Bạch Văn T được 03 tháng. Thời điểm này N thông qua bạn ngoài xã hội nên biết Tuyết (không rõ lai lịch) ở quận Gò Vấp có bán ma túy. Đầu tháng 6/2016, T gặp N hỏi mua ma túy đá, N đồng ý. Sau đó, N liên lạc với Tuyết mua ma túy để bán cho T cụ thể:

- Lần thứ nhất, khoảng đầu tháng 6/2016, N mua 1 hộp 10g ma túy đá giá 5.500.000 đồng rồi mang bán lại cho T với giá 6.000.000 đồng tại quán cà phê Cỏ Đá - trên đường Nguyễn Biểu, Quận 5. Do không có tiền trả nên T đã thế chấp chiếc nhẫn vàng cho N, hẹn khi nào có tiền sẽ trả và lấy lại chiếc nhẫn, N đồng ý. Số ma túy này T sử dụng và bán lại cho người nghiện.

- Lần thứ hai, khoảng giữa tháng 6/2016, N mua của Tuyết 1 hộp 10g ma túy đá giá 5.500.000 đồng, sau đó mang bán lại cho T với giá 6.000.000 đồng tại khu vực gầm cầu chữ Y, Quận 5.

- Lần thứ ba, vào sáng ngày 04/7/2016, N mua của Tuyết 02 hộp 10g ma túy đá giá 12.000.000 đồng, sau đó mang bán lại cho T với giá 12.500.000 đồng tại khu vực đường Cao Đạt, Phường 1, Quận 5. T hẹn với N sẽ mua tiếp ma túy khi bán hết số ma túy trên.

Chiều ngày 04/7/2016, như đã thỏa thuận từ trước với T, Văn Đức N tiếp tục mua 150g ma túy đá của Tuyết với giá 54.000.000 đồng và dự định bán cho T 100g ma túy đá giá 36.000.000 đồng. Tối ngày 04/07/2016, Văn Đức N gọi

điện thoại hẹn Lưu Thanh L (L là đàn em ở cùng xóm với N) đến ngã ba Phan Đăng Lưu – Nguyễn Văn Đậu, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, tại đây N có nhờ L mang hai gói ma túy đi giao cho T ở quán cà phê Cỏ Đá, Phường 1, Quận 5 và sẽ trả công cho L 500.000 đồng. L đồng ý và cầm gói ma túy đi đến điểm hẹn, khi tới bãi giữ xe của quán cà phê Cỏ Đá, chưa kịp giao ma túy cho T thì bị Công an kiểm tra phát hiện bắt giữ như đã nêu trên. Sau đó ngày 05/7/2016, Văn Đức N mang theo số ma túy còn lại để trong túi quần kiểm người bán thì bị Công an kiểm tra phát hiện bắt giữ cùng số tang vật trên (BL 149a -150, 156).

+Bạch Văn T khai phù hợp với lời khai của Văn Đức N về những lần mua bán ma túy. Ngoài ra, T khai ngày 04/7/2016, sau khi mua hai hộp 10g ma túy đá của N, T thuê phòng tại khách sạn Thiên Phúc, Quận 5 rồi phân gói ma túy thành 04 gói nhỏ, T cất 3 gói ma túy vào túi áo và một gói để trong túi quần, rồi đi về nhà. Lúc này, T nhận được điện thoại của một người tên Hoàng (không rõ lai lịch) hỏi mua 02 hộp 10g ma túy đá với giá 13.500.000 đồng, giao dịch tại khu vực công viên Gia Định thuộc Phường 9, quận Phú Nhuận. Sau đó, T mang ma túy đến điểm hẹn đứng đợi nhưng chưa kịp bán cho Hoàng thì bị Công an kiểm tra, bắt giữ cùng vật chứng là ma túy (BL 47- 48b).

+Lưu Thanh L khai: L quen với Văn Đức N được 06 tháng. Trước khi bị bắt khoảng 10 ngày, L có đi cùng N (tên thường gọi là Dũng) qua Quận 5 hai lần để N bán ma túy cho T nên L có biết mặt T nhưng không biết tên. Ngày 04/7/2016, N điện thoại cho L đến ngã ba Phan Đăng Lưu – Nguyễn Văn Đậu, quận Phú Nhuận, N đưa cho L 02 gói ma túy đá đựng trong vỏ bao cà phê màu nâu, không rõ trọng lượng rồi nhờ L đi giao cho T tại quán cà phê Cỏ Đá - thuộc khu vực Phường 1, Quận 5, N sẽ trả công cho L 500.000 đồng. L đồng ý và cầm gói ma túy đi đến điểm hẹn, khi tới bãi giữ xe quán cà phê Cỏ Đá, L chưa kịp giao ma túy cho T thì bị Công an kiểm tra, phát hiện bắt giữ như đã nêu trên (BL 89-91, 101-102).

Tại bản cáo trạng số 235/CTr-VKS-P1 ngày 05/6/2018, Viện kiểm sát N dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo:

- Văn Đức N và Lưu Thanh L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e Khoản 3 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

- Bạch Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo các điểm b, m,p Khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, trình bày lời luận tội, đánh giá tính chất, mức độ phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm e Khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm

2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Văn Đức N mức án từ 15 - 17 năm tù.

- Áp dụng điểm e Khoản 3 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Lưu Thanh L mức án từ 13 -15 năm tù.

- Áp dụng điểm b, m, p Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Bạch Văn T mức án từ 09 -11 năm tù.

Phạt bổ sung: Văn Đức N, Lưu Thanh L và Bạch Văn T, mỗi bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bào chữa cho các bị cáo Văn Đức N và Lưu Thanh L, các Luật sư thống nhất về tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo nên không tranh luận.

+Luật sư bào chữa cho bị cáo N chỉ phân tích: mặc dù tại phiên tòa, bị cáo N có thay đổi lời khai về hành vi của bị cáo L khi nhận gói ma túy từ bị cáo để đi giao nhưng khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình trong suốt giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay. Qua điều tra, bị cáo N mua ma túy của Tuyết (không rõ lai lịch) và chỉ bán duy nhất cho bị cáo T. Về hậu quả của vụ án, trong toàn bộ khối lượng ma túy bị cáo N bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì phần lớn đã bị Công an phát hiện, thu giữ và ngăn chặn phát tán ra xã hội. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, con nhỏ. Do đó, đề nghị cho bị cáo hưởng mức án khoan hồng theo mức khởi điểm của Viện kiểm sát đề nghị xử phạt.

+Luật sư bào chữa cho bị cáo Lưu Thanh L, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: về N thân bị cáo L chưa có tiền án - tiền sự, phạm tội lần đầu nên cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Trong vụ án, bị cáo phạm tội đồng phạm với vai trò không đáng kể, hậu quả đã được ngăn chặn và chưa được hưởng lợi. Do đó, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 để xem xét cho bị cáo hưởng mức án khoan hồng, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố, tạo cơ hội cho bị cáo chấp hành hình phạt, cải tạo thành người có ích cho xã hội.

Các bị cáo không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì đã nhận thức được hành vi sai phạm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, các bị cáo Văn Đức N, Lưu Thanh L và Bạch Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của mình cùng đồng phạm, nội dung về cơ bản phù hợp với bản cáo trạng truy tố, cụ thể:

Muốn kiếm tiền tiêu xài nên Văn Đức N đã nhiều lần mua ma túy của Tuyết (không rõ lai lịch) mang về bán lại cho Bạch Văn T để kiếm lời.

- Lần thứ nhất, khoảng đầu tháng 6/2016, N mua 1 hộp 10g ma túy đá giá 5.500.000 đồng rồi mang bán lại cho T với giá 6.000.000 đồng tại quán cà phê Cỏ Đá - trên đường Nguyễn Biểu, Quận 5. Do không có tiền trả nên T thế chấp chiếc nhẫn vàng cho N, hẹn khi nào có tiền sẽ trả và lấy lại chiếc nhẫn. Số ma túy này T để sử dụng và bán lại hết cho người nghiện.

- Lần thứ hai, khoảng giữa tháng 6/2016, N mua của Tuyết 01 hộp 10g ma túy đá giá 5.500.000 đồng, sau đó mang bán lại cho T với giá 6.000.000 đồng tại khu vực gầm cầu chữ Y, Quận 5.

- Lần thứ ba, vào sáng ngày 04/7/2016, N mua của Tuyết 02 hộp 10g ma túy đá giá 12.000.000 đồng, sau đó mang bán lại cho T với giá 12.500.000 đồng tại khu vực đường Cao Đạt, Phường 1, Quận 5. Sau khi mua được ma túy, T thuê phòng tại khách sạn Thiên Phúc, Quận 5 rồi phân chia ma túy thành 04 gói nhỏ cất giữ để bán. Vào lúc 18h20' cùng ngày, khi T đến nơi hẹn để bán cho Hoàng (không rõ lai lịch) đã hỏi mua 02 hộp 10g ma túy đá với giá 13.500.000 đồng trước đó thì bị Công an phát hiện bắt qua tang, thu giữ cùng 04 gói ma túy đá tại khu vực công viên Gia Định, Phường 9, quận Phú Nhuận.

Đến tối ngày 04/7/2016, Văn Đức N nhờ Lưu Thanh L mang hai gói ma túy đá đi giao cho người mua để được N trả công 500.000 đồng. Khi L đến nơi hẹn chưa kịp giao ma túy thì bị Công an phát hiện bắt giữ cùng toàn bộ vật chứng. Đến 16 giờ 00 phút ngày 05/7/2016, Văn Đức N bị bắt khẩn cấp về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”, thu giữ trong túi quần của N 01 gói ma túy đá đang cất giữ mục đích để bán lại kiếm lời.

Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo Văn Đức N, Lưu Thanh L và Bạch Văn T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa về cơ bản phù hợp với nhau; phù hợp với: biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản về việc bắt người, biên bản tạm giữ đồ vật – tài liệu, biên bản nhận dạng, lời khai người làm chứng, kết luận giám định cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Toàn bộ số vật chứng là ma túy thu giữ của các bị cáo T, L và N, theo các bản kết luận giám định số 1366/KLGD–H ngày 18/8/2016, số 1377/KLGD–H ngày 28/7/2016 và các bản kết luận giám định bổ sung số 131 và số 132 cùng ngày 04/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 75,119,318,319), có cơ sở để kết luận:

- Vật chứng thu giữ của bị cáo Bạch Văn T là ma túy ở thể rắn, có trọng lượng 24,9607gram, loại Methamphetamine;

- Vật chứng thu giữ của bị cáo Lưu Thanh L là ma túy ở thể rắn, có trọng lượng 100,7443 gram, loại Methamphetamine.

- Vật chứng thu giữ của bị cáo Văn Đức N là ma túy ở thể rắn, có trọng lượng 43,9804 gram, loại Methamphetamine.

Xét, đã có đủ cơ sở để kết luận: với trọng lượng ma túy dùng để mua bán và hành vi của các bị cáo Văn Đức N, Lưu Thanh L và Bạch Văn T đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Hành vi phạm tội của các bị cáo N, L và T là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm về ma túy và tệ nạn xã hội khác; gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo N, L và T là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng với động cơ vụ lợi bất chính vẫn bất chấp sự nghiêm cấm của Nhà nước để cố ý phạm tội.

Xét, bị cáo Văn Đức N đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Bạch Văn T với tổng khối lượng là 189,6854 gram ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, bao gồm: số ma túy trong tháng 6/2016, đã bán cho bị cáo T hai lần tổng cộng là 20g MA; ngày 04/7/2016, bán cho T hai hộp 10g ma túy đá, T trên đường đi bán ma túy thì bị bắt, qua giám định có trọng lượng 24,6907g MA; số ma túy giao cho Lưu Thanh L đi bán bị thu giữ có trọng lượng 100,7443g MA và số ma túy khi bị bắt thu giữ của bị cáo N có trọng lượng 43,9804g MA). Bị cáo Lưu Thanh L có hành vi giúp sức cho bị cáo N mua bán trái phép 100,7443g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine đi bán để được trả công 500.000 đồng. Nên các bị cáo Văn Đức N và Lưu Thanh L đã phạm tội thuộc trường hợp “các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam”, là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo N và L; bị cáo N còn thuộc trường hợp “phạm tội nhiều lần”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Đối với bị cáo Bạch Văn T, đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với bị cáo Văn Đức N với tổng trọng lượng 44,9607g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine (trong đó, ít nhất hai lần phạm tội mà mỗi lần đều có đủ yếu tố cấu thành tội phạm và chưa bị xử lý), nên thuộc trường “phạm tội nhiều lần” và “các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ 20 gram đến dưới 100 gram”. Ngoài ra, về N thân bị cáo T đã có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, là tội rất nghiêm trọng do cố ý chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên còn thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”. Đây là những tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T.

Do đó về hình phạt, cần xét xử nghiêm đối với: các bị cáo Văn Đức N và Lưu Thanh L theo quy định tại điểm e Khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) ; bị cáo Bạch Văn T theo quy định tại các

điểm b, m, p Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009; như truy tố của Viện kiểm sát N dân Thành phố Hồ Chí Minh là có sơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội.

Trong vụ án, các bị cáo Văn Đức N và Lưu Thanh L phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm, có sự phân công nhưng mang tính giản đơn không có tổ chức. Trong đó, bị cáo N giữ vai trò chính là người bỏ vốn, trực tiếp liên hệ mua bán ma túy để kiếm lời; còn bị cáo L với vai trò là người giúp sức, giúp bị cáo N giao ma túy lần đầu để được trả công hưởng lợi thì bị bắt. Nên về hình phạt đối với bị cáo N phải nghiêm khắc hơn so với bị cáo L. Khi quyết định hình phạt sẽ xem xét đến tính chất, mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo đồng phạm theo quy định tại Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đối với bị cáo Bạch Văn T phạm tội độc lập, không có đồng phạm.

Xét về N thân, các bị cáo N và T đã từng bị xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đã được giáo dục răn đe nhưng vẫn không chịu cải tạo, sửa chữa thành người có ích cho xã hội, muốn kiếm tiền tiêu xài lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Riêng bị cáo T mặc dù lần phạm tội này đã được đương nhiên xóa án tích nên không coi là tiền án để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm nhưng cần lưu ý khi quyết định hình phạt.

Do đó, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, về hình phạt đặt ra phải nghiêm, cần có một thời gian đủ dài cách ly xã hội đối mới có tác dụng để răn đe giáo dục các bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm chung. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, cũng phần nào thể hiện sự ăn năn hối cải; Bị cáo T trong quá trình điều tra đã tích cực giúp cơ quan điều tra để sớm điều tra vụ án nên áp dụng cho bị cáo thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm t Khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); bị cáo L phạm tội lần đầu và N thân chưa có tiền án, tiền sự; để giảm nhẹ cho từng bị cáo một phần hình phạt đáng ra phải chịu theo quy định điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xét tính chất, mức độ phạm tội và N thân của bị cáo L: phạm tội lần đầu có nhiều tình tiết giảm nhẹ với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo N thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy và chưa hưởng lợi thì bị phát hiện bắt giữ nên hậu quả gây ra cho xã hội phần nào được ngăn chặn. Nên áp dụng Khoản 2 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị áp dụng tại khung hình phạt liền kề đã đủ tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

+Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo N, L và T phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính, nên cần áp dụng Khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999

(sửa đổi, bổ sung năm 2009) để buộc mỗi bị cáo nộp phạt một số tiền nhất định sung quỹ Nhà nước.

Viện kiểm sát N dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử đối với các bị cáo Văn Đức N, Lưu Thanh L và Bạch Văn T là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho các bị cáo Văn Đức N và Lưu Thanh L về các tình tiết giảm nhẹ là phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tuy nhiên về hình phạt đề nghị xử phạt đối với bị cáo N là chưa tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và N thân bị cáo, chưa đủ tác dụng của hình phạt như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở để được chấp nhận.

+Về thủ tục tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên, luật sư thực hiện các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng đúng quy định về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có khiếu nại hành vi của người tiến hành tố tụng và Cơ quan tiến hành tố tụng.

+Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xét:

- 01 (một) gói niêm phong bên trong là ma túy còn lại sau giám định có chữ ký của GĐV Trần Đình Hải và CBĐT Phạm Thành Trung ghi vụ 1377/16 (gói niêm phong nguyên vẹn); 02 (hai) gói niêm phong bên trong là ma túy còn lại sau giám định có chữ ký của GĐV Phạm Tấn Quốc và CBĐT Phạm Thành Trung ghi vụ 1366/16 (1,2) (gói niêm phong nguyên vẹn); toàn bộ là chất ma túy độc hại, cấm tuyệt đối sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 (một) điện thoại nokia thu giữ của Văn Đức N, 01 (một) điện thoại Nokia thu giữ của Lưu Thanh L và 01 (một) điện thoại Nokia thu giữ của Bạch Văn T; là phương tiện dùng để liên lạc mua bán ma túy nên tịch thu sung quỹ nhà nước;

- Đối với xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số 59V1 – 979.26 (số khung: RLCE55P10EY376245, số máy: 55P7-376261) thu giữ của Lưu Thanh L. Qua xác minh, do anh Trinh Duy Lễ đứng tên chủ sở hữu. Anh Lễ bán lại xe cho L vào đầu năm 2016 với giá 30.000.000, đã làm thủ tục mua bán công chứng ủy quyền cho L và bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với xe mô tô hiệu Vario biển số 59C1 – 694.05 (số khung: MH1KF1114GK605779, số máy: KF11E-1604889) thu giữ của Văn Đức N. Qua xác minh, do chị Võ Thúy Mai (HKTT: 129F/123/9/9 Bến Vân Đồn, phường 8, Quận 4) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 04/6/2016, chị Mai lập hợp đồng có công chứng bán lại xe trên cho ông Nguyễn Thanh Tâm (là N viên Hộ kinh doanh xe gắn máy Thanh Sơn). Ngày 17/10/2016, ông Nguyễn Thanh Sơn là,

đại diện Hộ kinh doanh xe gắn máy Thanh Sơn bán lại xe cho anh Trần Tấn Quốc (có xuất hóa đơn đỏ) nhưng chưa làm thủ tục sang tên, đăng ký theo quy định của pháp luật.

Xét, chiếc xe gắn máy nêu trên là tài sản hợp pháp và anh Quốc cho bị cáo N mượn xe làm phương tiện đi lại và không biết việc bị cáo N dùng xe để phạm tội nên trả lại xe cho anh Quốc.

- Riêng đối với xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biên số 59M1 – 809.28 (số khung: 0610FY011359, số máy: G3D4E011352) thu của Bạch Văn T. Qua xác minh được biết do Nguyễn Thị Hồng Nhung (sống như vợ chồng với T) đứng tên chủ sở hữu. Chị Nhung khai ngày 3/7/2016, Nhung để xe ở nhà T tự ý lấy xe đi thì bị Công an bắt và thu giữ. Qua điều tra, chị Nhung không liên quan đến việc mua bán ma túy của Bạch Văn T nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và trao trả lại chiếc xe nêu trên cho chị Nguyễn Thị Hồng Nhung là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật nên không xử lý.

- Số tiền 3.850.000 đồng thu giữ của bị cáo Văn Đức N và 6.800.000 đồng thu giữ của bị cáo Lưu Thanh L, qua điều tra không chứng minh liên quan tội phạm nên trả lại cho các bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án về tài sản.

+Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đối với các đối tượng tên Hoàng là người mua ma túy của bị cáo T và Tuyết là người bán ma túy cho bị cáo N, qua điều tra không xác định được N thân, lai lịch nên không có cơ sở để xem xét, xử lý.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Văn Đức N, Lưu Thanh L và Bạch Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Áp dụng điểm e Khoản 3, Khoản 5 Điều 194, điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Văn Đức N 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 05/7/2016.

- Về hình phạt bổ sung: buộc bị cáo Văn Đức N nộp phạt 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

+Áp dụng điểm e Khoản 3, Khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Lưu Thanh L 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 04/7/2016.

- Về hình phạt bổ sung: buộc bị cáo Lưu Thanh L nộp phạt 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

+Áp dụng các điểm b, p, m Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Bạch Văn T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày 04/7/2016.

- Về hình phạt bổ sung: buộc bị cáo Văn Đức N nộp phạt 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

+Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy:

*01 (một) gói niêm phong bên trong là ma túy còn lại sau giám định có chữ ký của GĐV Trần Đình Hải và CBĐT Phạm Thành Trung ghi vụ 1377/16 (gói niêm phong nguyên vẹn)

*02 (hai) gói niêm phong bên trong là ma túy còn lại sau giám định có chữ ký của GĐV Phạm Tấn Quốc và CBĐT Phạm Thành Trung ghi vụ 1366/16 (1,2) (gói niêm phong nguyên vẹn).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 03 (ba) điện thoại Nokia đã qua sử dụng, không xác định được tình trạng bên trong máy;

- 01 (một) xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số 59V1 – 979.26 (số khung: RLCE55P10EY376245, số máy: 55P1-376261).

- Trả lại 01 (một) xe mô tô hiệu Vario biển số 59C1 – 694.05 (số khung: MH1KF1114GK605779, số máy: KF11E-1604889 cho ông Trần Tấn Quốc.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.850.000 (ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Văn Đức N và 6.800.000 (sáu triệu tám trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Lưu Thanh L đã nộp vào Kho bạc Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo thi hành án về tài sản.

(Vật chứng theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 188/17, ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Cục thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và giấy nộp tiền lập ngày 28/02/2017 nộp vào tài khoản số 394909059775 tại KBNN Quận 10)

+Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc Văn Đức N, Lưu Thanh L và Bạch Văn T, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP. HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (2)
- Luật sư (2)
- Người liên quan (1)
- THA HS; (2)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (34) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh